

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **03** /2025/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày **16** tháng **01** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định giá bán lẻ nước sạch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang do Công ty
Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp thoát nước Kiên Giang cung cấp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

*Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của
Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;*

*Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của
Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-
CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ
nước sạch;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định
giá nước sạch sinh hoạt;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa,
dịch vụ do Nhà nước định giá;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 439/TTr-STC ngày
17 tháng 12 năm 2024 về việc quy định giá bán lẻ nước sạch trên địa bàn tỉnh
Kiên Giang do Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp thoát nước Kiên
Giang cung cấp.*



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá bán lẻ nước sạch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (TNHH MTV) Cấp thoát nước Kiên Giang cung cấp.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang.
- b) Khách hàng sử dụng nước sạch do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang cung cấp.
- c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giá bán lẻ nước sạch do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang cung cấp

1. Giá bán lẻ nước sạch cho từng nhóm khách hàng như sau:

STT	Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt	Mức tiêu thụ (m ³ /hộ/tháng)	Giá bán lẻ (đồng/m ³)
1. Thành phố Phú Quốc			
Nhóm 1	Hộ dân cư	Từ 01m ³ đến 10m ³ đầu tiên	6.510
		Từ trên 10m ³ đến 20m ³	8.085
		Từ trên 20 m ³ đến 30m ³	9.660
		Trên 30m ³	11.340
Nhóm 2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; trường học; bệnh viện; cơ sở khám chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	Theo thực tế sử dụng	8.925
Nhóm 3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	11.340
Nhóm 4	Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	16.170

STT	Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt	Mức tiêu thụ (m ³ /hộ/tháng)	Giá bán lẻ (đồng/m ³)
2. Thành phố Rạch Giá, Hà Tiên và huyện Kiên Lương			
Nhóm 1	Hộ dân cư	Từ 01m ³ đến 10m ³ đầu tiên	5.985
		Từ trên 10m ³ đến 20m ³	7.560
		Từ trên 20 m ³ đến 30m ³	9.030
		Trên 30m ³	10.500
Nhóm 2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; trường học; bệnh viện; cơ sở khám chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	Theo thực tế sử dụng	8.295
Nhóm 3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	10.185
Nhóm 4	Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	15.120
3. Các huyện còn lại			
Nhóm 1	Hộ dân cư	Từ 01m ³ đến 10m ³ đầu tiên	5.145
		Từ trên 10m ³ đến 20m ³	6.510
		Từ trên 20 m ³ đến 30m ³	7.770
		Trên 30m ³	9.030
Nhóm 2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; trường học; bệnh viện; cơ sở khám chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	Theo thực tế sử dụng	7.140
Nhóm 3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	9.030
Nhóm 4	Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	12.285

2. Giá bán lẻ nước sạch được quy định tại Điều này chưa bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt; đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (5%),

chi phí bảo trì, chi phí đầu nối bao gồm đồng hồ nước và chi phí đường ống có khoảng cách tối đa 05 mét tính từ điểm đầu nối đến đồng hồ nước của khách hàng.

3. Giá nước đối với một số trường hợp đặc thù được áp dụng như sau:

a) Đối với hộ dân cư tiêu thụ nước sạch chưa lắp được đồng hồ đo lượng nước tiêu thụ hoặc đối với khu vực nông thôn, các hộ dân cư dùng chung bể nước tại các điểm tập trung (nhưng không qua trung gian quản lý, phân phối nước) thì áp dụng mức thu khoán theo mức tiêu thụ cho một người là 4 m³/tháng, đối với những địa phương không tính được theo người thì tính theo hộ dân cư sử dụng là 16 m³/tháng theo giá bán lẻ cho hộ dân cư ở mức tiêu thụ từ trên 10 – 20 m³/đồng hồ/tháng.

b) Trường hợp chủ nhà là bên mua nước sạch của đơn vị cấp nước để cung cấp cho các khách hàng là học sinh, sinh viên và người lao động thuê nhà để ở thì cứ 04 người (căn cứ vào giấy đăng ký tạm trú) được tính là một hộ sử dụng nước, số người lẻ ít hơn 04 người được tính là một hộ làm cơ sở áp giá nước theo giá hộ dân cư theo bậc thang cho các khách hàng sử dụng nước.

c) Trường hợp đơn vị cấp nước cấp nước từ cùng một nguồn cho khách hàng nhưng được sử dụng cho nhiều mục đích thì giá nước sạch cung cấp cho mục đích ngoài sinh hoạt (không dùng cho vệ sinh, ăn, uống của con người) áp theo giá nước sạch khách hàng đó sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này; kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá theo quy định của pháp luật và xử lý những vướng mắc phát sinh.

2. Giao Sở Y tế xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số Điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

3. Giao Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang

a) Thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 55 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cung cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo chất lượng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2008/BYT và Quy chuẩn kỹ thuật

địa phương về chất lượng nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (nếu có).

c) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra tình hình tiêu thụ nước sạch, thu tiền nước đúng giá và phù hợp với từng nhóm khách hàng; kịp thời có biện pháp khắc phục tình trạng thất thoát, thất thu nước sạch.

d) Tổ chức thực hiện theo phương án giá nước sạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Hàng năm, chủ động rà soát việc thực hiện phương án giá nước sạch sinh hoạt theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2025 và thay thế Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang cung cấp. *ĐHN*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB QPPL – Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- TT UBND tỉnh;
- UBMT tổ quốc VN tỉnh;
- Như Điều 4 của Quyết định;
- Công báo tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, nvphuong.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Nhân

